

SMSS	Họ	Tên	Đ	DSố	STK
TV	Lót	n	T	RTiền	
T		B	LHB		
		H			
		T			
1	K37. Bùi	Qu	3. 9	3150	
	101.0 Đức	ang	678	000	
	99				
2	K37. Nguy	Th	3. 9	2625	
	101.1 ễn	ươ	450	000	
	34 Hoài	ng			
3	K37. Lê	Kh	3. 9	2625	
	101.0 Thị	ánh	232	000	
	56				
4	K37. Trần	Chi	3. 9	2100	
	101.0 Đình	ễn	162	000	
	16				
5	K37. Phan	Th	3. 9	2100	
	101.1 Thị	ủy	130	000	
	29 Ngọc				
6	K37. Trần	Tạ	3. 8	2100	
	101.1 Ngọc	o	082	000	
	10 Quan				
	g				
7	K37. Nguy	Th	3. 7	2100	
	101.1 ễn	anh	062	000	
	14 Duy				
8	K37. Lê	Nh	3. 7	2100	
	101.0 Thị	âm	037	000	
	88 Hồng				
9	K37. Trần	Du	3 8	2100	
	101.0 Kim	yên	2	000	
	22				
1	K37. Hà	Sư	3 7	2100	
0	101.1 Thị	ơn	2	000	
	06 Thanh	g			
1	K37. Dư	An	2. 9	2100	
1	101.0 Ngọc	h	970	000	
	05 Minh				
1	K37. Lê	Hư	2. 8	2100	
2	101.0 Thị	ơn	952	000	
	52 Kim	g			
1	K37. Hàn	La	2. 8	2100	
3	101.0 Thị	n	924	000	
	61 Thanh				
1	K37. Ngô	Trâ	2. 9	2100	
4	101.1 Thị	m	830	000	
	35 Bảo				
1	K37. Nguy	Tú	2. 7	2100	
5	101.1 ễn	Ho	819	000	

50 ằng

Huy

1 K37. Nguy Ph 2. 8 2100

6 101.0 ễn úc 782 000

96 Thiên

1 K37. Bạch Mi 2. 8 2100

7 101.0 Quan nh 692 000

76 g

1 K37. Nguy Ma 2. 8 2100

8 101.0 ễn i 562 000

73 Nhật